

BẢNG TỔNG HỢP THEO DỜI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Khối 5 tuổi					
			Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)					
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"	%	T.số trẻ "Cần cố gắng"	%	T.số trẻ "Chưa Đạt"
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0
		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0
		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH		5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0
		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0
		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0
		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ		Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0
		5A1	29	26	89.7%	3	10.3%	0
		5A2	27	24	88.9%	3	11.1%	0
		5A3	26	23	88.5%	3	11.5%	0
		5A4	27	24	88.9%	3	11.1%	0
		Cộng tổng	109	97	89.0%	12	11.0%	0
		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0
		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0
		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		5A3	26	23	88.5%	3	11.5%	0
- Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		Cộng tổng	109	100	91.7%	9	8.3%	0
		5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0
		5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		5A3	26	23	88.5%	3	11.5%	0
		5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0
		Cộng tổng	109	100	91.7%	9	8.3%	0

BẢNG TỔNG HỢP THEO ĐỔI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024

Các lĩnh vực giáo dục	Lớp	Khối 5 tuổi							
		Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)							
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"		
			SL	%	SL	%	SL	%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	
	5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0	0.0%	
	5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0	0.0%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	
	5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0	0.0%	
	5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0	0.0%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	
	5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0	0.0%	
	5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0	0.0%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	5A1	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0.0%	
	5A2	27	24	88.9%	3	11.1%	0	0.0%	
	5A3	26	23	88.5%	3	11.5%	0	#REF!	
	5A4	27	24	88.9%	3	11.1%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	97	89.0%	12	11.0%	0	0.0%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	
	5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	5A3	26	24	92.3%	2	7.7%	0	0.0%	
	5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	101	92.7%	8	7.3%	0	0.0%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	5A1	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0.0%	
	5A2	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	5A3	26	23	88.5%	3	11.5%	0	0.0%	
	5A4	27	25	92.6%	2	7.4%	0	0.0%	
	Cộng tổng	109	100	91.7%	9	8.3%	0	0.0%	

**BẢNG TỔNG HỢP THEO ĐỔI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024**

Các lĩnh vực giáo dục	Lớp	Khối 4 tuổi							
		Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)							
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"		
			SL	%	SL	%	SL	%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	4A1	31	28	90.3%	3	9.7%	0	0.0%	
	4A2	32	29	90.6%	3	9.4%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	4A4	23	21	91.3%	2	8.7%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	99	90.0%	11	10.0%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	4A3	24	20	83.3%	4	16.7%	0	0.0%	
	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	95	86.4%	15	13.6%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	Cộng tổng	110	96	87.3%	14	12.7%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	96	87.3%	14	12.7%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	96	87.3%	14	12.7%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	96	87.3%	14	12.7%	0	0.0%	
	4A1	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	4A2	32	28	87.5%	4	12.5%	0	0.0%	
	4A3	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	4A4	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	Cộng tổng	110	96	87.3%	14	12.7%	0	0.0%	

BẢNG TỔNG HỢP THEO DỜI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024

Các lĩnh vực giáo dục		Lớp	Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)						
			T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"	
				SL	%	SL	%	SL	%
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	3A1	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	3A2	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	3A3	18	16	88.9%	2	11.1%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	93	86.9%	14	13.1%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	3A1	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	3A2	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	3A3	18	16	88.9%	2	11.1%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	93	86.9%	14	13.1%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	3A1	23	19	82.6%	4	17.4%	0	0.0%	
	3A2	24	20	83.3%	4	16.7%	0	0.0%	
	3A3	18	15	83.3%	3	16.7%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	18	81.8%	4	18.2%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	89	83.2%	18	16.8%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	3A1	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	3A2	24	20	83.3%	4	16.7%	0	0.0%	
	3A3	18	15	83.3%	3	16.7%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	18	81.8%	4	18.2%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	90	84.1%	17	15.9%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	3A1	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	3A2	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	3A3	18	15	83.3%	3	16.7%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	18	81.8%	4	18.2%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	91	85.0%	16	15.0%	0	0.0%	
Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	3A1	23	20	87.0%	3	13.0%	0	0.0%	
	3A2	24	21	87.5%	3	12.5%	0	0.0%	
	3A3	18	16	88.9%	2	11.1%	0	0.0%	
	3A4	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0.0%	
	3A5	22	18	81.8%	4	18.2%	0	0.0%	
	Cộng tổng	107	92	86.0%	15	14.0%	0	0.0%	

BẢNG TỔNG HỢP THEO DỐI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024

Các lĩnh vực giáo dục	Lớp	Khối nhà trẻ							
		Đánh giá cuối kỳ I (lần I)							
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"		
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	CT1	18	16	88.9%	2	11.1%	0	0.0%	
	CT2	21	19	90.5%	2	9.5%	0	0.0%	
	CT3	31	27	87.1%	4	12.9%	0	0.0%	
	Cộng tổng	70	62	88.6%	8	11.4%	0	0.0%	
	CT1	18	14	77.8%	3	16.7%	1	5.6%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	CT2	21	17	81.0%	3	14.3%	1	4.8%	
	CT3	31	24	77.4%	4	12.9%	3	9.7%	
	Cộng tổng	70	55	78.6%	10	14.3%	5	7.1%	
	CT1	18	14	77.8%	3	16.7%	1	5.6%	
	CT2	21	16	76.2%	3	14.3%	2	9.5%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	CT3	31	24	77.4%	4	12.9%	3	9.7%	
	Cộng tổng	70	54	77.1%	10	14.3%	6	8.6%	
	CT1	18	14	77.8%	3	16.7%	1	5.6%	
	CT2	21	16	76.2%	3	14.3%	2	9.5%	
	CT3	31	24	77.4%	4	12.9%	3	9.7%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	Cộng tổng	70	54	77.1%	10	14.3%	6	8.6%	
	CT1	18	15	83.3%	2	11.1%	1	5.6%	
	CT2	21	16	76.2%	3	14.3%	2	9.5%	
	CT3	31	24	77.4%	4	12.9%	3	9.7%	
	Cộng tổng	70	54	77.1%	10	14.3%	6	8.6%	
- Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	CT1	18	15	83.3%	2	11.1%	1	5.6%	
	CT2	21	16	76.2%	3	14.3%	2	9.5%	
	CT3	31	24	77.4%	4	12.9%	3	9.7%	
	Cộng tổng	70	55	78.6%	9	12.9%	6	8.6%	

BẢNG TỔNG HỢP THEO DỜI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
HỌC KỲ I 2023 - 2024

Toàn trường									
Các lĩnh vực giáo dục		Đánh giá cuối kỳ I (lần 1)							
		T.số trẻ được đánh giá	T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "Cần cố gắng"		T.số trẻ "Chưa Đạt"		
			SL	%	SL	%	SL	%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	396	355	89.65%	41	10.35%	0	0.00%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCXH	396	344	86.9%	47	11.9%	5	1.3%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	396	340	85.9%	50	12.6%	6	1.5%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	396	337	85.1%	53	13.4%	6	1.5%	
-	Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	396	343	86.6%	47	11.9%	6	1.5%	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhàn

Quyết Tiến, ngày 8 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu